

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2025
của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỞU BẮC NINH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 202/SYT-TCKT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng trực thuộc đơn vị căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Lãnh đạo đơn vị;
- Như Điều 3;
- Phòng KHTH (Đăng Website BV);
- Lưu VT, TCKT.



Nguyễn Danh Song

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Số thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng;
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng.

2. Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 4.430.000.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 3.993.036.600 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 3.993.036.600 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 436.963.400 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong năm

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 69.026.617.516 đồng, trong đó:
 - + Sử dụng Kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng;
 - + Trích lập các Quỹ: 67.646.085.166 đồng;
 - + Kinh phí cải cách tiền lương: 1.380.532.350 đồng.

Mẫu biểu số 76 - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVUB ngày /4/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.993.036.600	3.993.036.600		
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.993.036.600	3.993.036.600		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.993.036.600	3.993.036.600		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.993.036.600	3.993.036.600		
	<i>Loại 130 – Khoản 132</i>				
	Đề án Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế	1.989.380.600	1.989.380.600		
	Sửa chữa trụ sở: Khôi nhà Ngoại (Nhà B2), Khôi nhà Nội (Nhà C1), Nhà Khám bệnh - Hành chính (Nhà A)	2.003.656.000	2.003.656.000		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Mẫu biểu số 76 - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVUB ngày /4/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu	310.139.611.052	310.139.611.052		
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	43.790.960.600	43.790.960.600		
1.2	Doanh thu tài chính	171.339.533	171.339.533		
1.3	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	219.228.054.801	219.228.054.801		
	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	219.228.054.801	219.228.054.801		
1.4	Thu nhập khác	46.949.256.118	46.949.256.118		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	264.837.036.987	264.837.036.987		
1	Chi sự nghiệp ngân sách cấp	62.406.571.331	62.406.571.331		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	62.406.571.331	62.406.571.331		
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	202.430.465.656	202.430.465.656		
3	Chi quản lý hành chính				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
IV	Thuế nộp NSNN	303.734.046	303.734.046		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.993.036.600	3.993.036.600		
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.993.036.600	3.993.036.600		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.993.036.600	3.993.036.600		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.993.036.600	3.993.036.600		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				